TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/7/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Phan Thị Oanh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hoà tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1988;

Địa chỉ: thôn N, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1989;

Địa chỉ: thôn N, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Mỹ L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tôi có thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và tiến hành đăng ký kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã H, thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/3/2009; Trong thời gian chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều

mâu thuẫn, vợ chồng không hợp nhau, tình cảm vợ chồng càng ngày càng phai nhạt không thể hàn gắn được nên tôi yêu cầu ly hôn với anh K.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 05/8/2009 và Nguyễn Tấn V, sinh ngày 15/8/2011. Vợ chồng ly hôn tôi yêu cầu tôi là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục 02 con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết

- Bị đơn Nguyễn Văn K được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*:* Nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại thôn N, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ, thực hiện việc cấp tống đạt văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] **Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Trương Thị Mỹ L và bị đơn anh Nguyễn Văn K có thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn, được UBND xã H, thành phố Tuy Hoà cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 16/3/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống giữa hai anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh K để ổn định cuộc sống riêng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng bị đơn không tới tham gia các phiên hòa giải và phiên toà là không có thiện chí hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn. Vì vậy HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm Nguyễn Tấn V, sinh ngày 15/8/2011 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 05/8/2009, các con đều đang sống cùng mẹ. Trong thời gian anh K và chị L không còn sống chung, chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu K và V. Tại đơn đơn trình bày nguyện vọng, các cháu Nguyễn Tấn V và Nguyễn Tuấn K đều xin sống cùng với chị L. Xét yêu cầu của chị L phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của 02 con chung do đó hội đồng xét xử tiếp tục giao 02 con chung cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xét. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Trương Thị Mỹ L được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Tấn V, sinh ngày 15/8/2011 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 05/8/2009 cho chị Trương Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn Trương Thị Mỹ L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008159 ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã H, thành phố T;
(Giấy CNKH số 11 ngày 16/3/2009)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Phước Hiệu